

Số: 186/2018/QĐST-HNGĐ

S, ngày 05 tháng 10 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S – TP. ĐÀ NẴNG**

Căn cứ: Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 176/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Ông Trần Cao T, sinh năm: 1983. Địa chỉ: Tổ 41 phường Đ, quận S, thành phố Đà Nẵng.

+ Bà Hồ Thị B, sinh năm: 1985. Địa chỉ: Khối 5, thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] **Về thủ tục:** Đơn yêu cầu của ông Trần Cao T và bà Hồ Thị B nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung:** Ông Trần Cao T và bà Hồ Thị B kết hôn vào năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị theo giấy chứng nhận kết hôn số 88, quyển số 01/2009 cấp ngày 26/10/2009. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên hòa giải bà Hồ Thị B trình bày ý kiến: Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống tại thị trấn K, tỉnh Quảng Trị. Trong quá trình chung sống với nhau, do tính tình và quan điểm sống của cả hai không hợp nhau nên vợ chồng bà thường xuyên cãi vã nhau, mặt khác do ông T công tác xa tại Đà Nẵng nên cuộc sống vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai trong cuộc sống. Nay bà xác định về tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng bà được ly hôn.

- Ý kiến của ông Trần Cao T: Về thời gian, điều kiện kết hôn cũng như mâu thuẫn của vợ chồng ông hoàn toàn thống nhất như lời trình bày của bà B. Nay ông xác định vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ông được thuận tình ly hôn

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Cao T và bà Hồ Thị B thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông T và bà B lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông T và bà B đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông T và bà B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông T và bà B là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà Hồ Thị B và ông Trần Cao T xác định vợ chồng có 01 con chung: Trần Cao H – sinh ngày: 16/6/2010. Ly hôn ông T, bà B thỏa thuận

thống nhất giao con chung cho bà Hồ Thị B được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 09/2018, vào ngày 15 hàng tháng. Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của bà Hồ Thị B và việc cấp dưỡng nuôi con của ông Trần Cao T thì thấy phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình và phù hợp với nguyện vọng của cháu Trần Cao H nên chấp nhận yêu cầu của bà B và ông T.

[5] Về tài sản chung: Tại phiên hòa giải, ông Trần Cao T và bà Hồ Thị B xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không đề cập giải quyết trong vụ án này, nếu có tranh chấp các đương sự có thể khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về nợ chung: Tại phiên hòa giải, ông Trần Cao T và bà Hồ Thị B xác định vợ chồng không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng ông Trần Cao T và bà Hồ Thị B phải chịu mỗi người 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) ông bà đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 9085 ngày 17/9/2018.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông **Trần Cao T** và bà **Hồ Thị B** (Do công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Trần Cao T và bà Hồ

*Thị B nên Giấy chứng nhận kết hôn số 88, quyển số 01/2009 do Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 26/10/2009 không còn giá trị pháp lý).*

- Về quan hệ con chung: Bà Hồ Thị B và ông Trần Cao T xác định vợ chồng có 01 con chung: Trần Cao H – sinh ngày: 16/6/2010. Ly hôn ông T, bà B thống nhất giao con chung cho bà Hồ Thị B được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 09/2018, vào ngày 15 hàng tháng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Khi cần thiết vì lợi ích của con chung các bên có quyền xin thay đổi người nuôi con chung hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung. Bên không nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật, không ai được ngăn cản.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông Trần Cao T và bà Hồ Thị B xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Ông Trần Cao T và bà Hồ Thị B xác định vợ chồng không có.

2. Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng ông Trần Cao T và bà Hồ Thị B phải chịu mỗi người 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) ông bà đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 9085 ngày 17/9/2018.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND quận S;
- UBND thị trấn K;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**NGUYỄN THỊ TRÂM**